

BÀI 1: TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIẶC GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

I. Lịch sử đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam

1. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên.

- Nước Văn Lang ra đời - mở ra lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Những cuộc chiến tranh giữ nước đầu tiên là cuộc KC chống Tần (214 - 208 TCN) và KC chống Triệu (184 - 179 TCN).

2. Cuộc đấu tranh giành độc lập (TKI- TKX)

- Dưới ách đô hộ của PK phương Bắc, nhân dân ta đã kiên cường, bất khuất đấu tranh giành độc lập. Với chiến thắng Bạch Đằng (năm 938), nước ta đã giành lại được độc lập.

3. Các cuộc chiến tranh giữ nước (TKX – XIX)

- Đất nước độc lập, trải qua nhiều triều đại PK. Thời Lý, Trần và Lê Sơ, nước ta là quốc gia cường thịnh ở Châu á - thời kỳ văn minh Đại Việt. Tuy vậy, nhân dân ta đã phải tiến hành nhiều cuộc chiến tranh giữ nước

4. Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc , lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến (TK XIX- 1945)

- Thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta, phong trào kháng chiến sôi nổi và bền bỉ của nhân dân ta diễn ra khắp nơi. Khi có Đảng CSVN lãnh đạo, đấu tranh của nhân dân ta đã giành thắng lợi bằng Cách mạng tháng Tám năm 1945.

5. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954)

Pháp quay trở lại xâm lược nước ta lần thứ 2. Ta thực hiện mọi biện pháp để chiến tranh không xảy ra, nhưng Pháp rất ngoan cố. Ta đã đánh bại nhiều cuộc hành binh lớn của quân Pháp và với chiến thắng ĐBP đã kết thúc cuộc KC chống Pháp.

6. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975)

Mĩ thay Pháp xâm lược Việt Nam, ta kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ nhưng Mĩ rất hiếu chiến. Ta đã lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ và với thắng lợi của cuộc Tổng tiến công, nổi dậy mùa Xuân 1975, đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

II. Truyền thống vẻ vang của dân tộc ta trong sự nghiệp đánh giặc giữ nước

1. Truyền thống dựng nước đi đôi với giữ nước

- Do ở vị trí chiến lược trọng yếu và có tài nguyên phong phú nên từ Dựng nước[xưa đến nay trở thành mục tiêu xâm lược của nhiều nước lớn đi đôi với giữ nước là quy luật tồn tại và phát triển của dân tộc ta

- Thời nào cũng vậy, nhân dân ta cũng luôn nêu cao cảnh giác, chuẩn bị lực lượng đề phòng giặc ngay từ thời bình. Trong chiến tranh vừa chiến đấu, vừa sản xuất và sẵn sàng đối phó với kẻ thù.

2. Truyền thống lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít địch nhiều.

- Trong lịch sử kẻ thù của nước ta thường là những nước lớn, có tiềm lực kinh tế, quân sự hơn ta nhiều lần.

- Vì thế, lấy nhỏ đánh lớn lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tạo sức mạnh của toàn dân đã trở thành truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc ta

3. Truyền thống cả nước chung sức đánh giặc, toàn dân đánh giặc, đánh giặc toàn diện

- Để đánh thắng giặc, nhân dân ta đã đoàn kết tạo thành nguồn sức mạnh to lớn .

- Nhân dân ta sớm nhận thức đất nước là tài sản chung, nước mất thì nhà tan. Vì thế, các thế hệ người dân đã không sợ hi sinh, liên tục đứng lên đánh giặc.

4. Truyền thống thắng giặc bằng trí thông minh, sáng tạo, bằng nghệ thuật quân sự độc đáo

- Ông cha ta có nhiều cách đánh giặc độc đáo như: Tiên phát chế nhân (Lý Thường Kiệt), chế ngự sức mạnh của địch và phản công khi chúng suy yếu (Trần Quốc Tuấn), đánh lâu dài (Lê Lợi), đánh thần tốc (Quang Trung)

- Thời kỳ chống Pháp và Mỹ ta đánh địch bằng mọi phương tiện và kết hợp nhiều hình thức. Nghệ thuật quân sự của ta là tạo hình thái chiến tranh cài răng lược

5. Truyền thống đoàn kết quốc tế

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta luôn có sự đoàn kết với các nước khác.

6. Truyền thống một lòng theo Đảng, tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- Từ khi ra đời, Đảng đã lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác

- Trong giai đoạn hiện nay, để giữ vững độc lập dân tộc và CNXH, xây dựng đất nước giàu mạnh đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng./.

Hết

BÀI 2: LỊCH SỬ, TRUYỀN THÔNG CỦA QUÂN ĐỘI VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

A. LỊCH SỬ, TRUYỀN THÔNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

I. Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam

1. Thời kỳ hình thành

- Trong những văn kiện đầu tiên, Đảng đã đề cập đến việc tổ chức ra quân đội công nông.

- Ngày 22 tháng 12 năm 1944, đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân được thành lập, có 34 chiến sĩ (trong đó có 3 nữ), chia thành 3 tiểu đội, có 34 khẩu súng các loại. Chiến công đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng là hạ đồn Phay Khắt và Nà Ngần,

- Tháng 4 năm 1945, Đảng hợp nhất các tổ chức vũ trang thành “Việt Nam giải phóng quân”.

2. Thời kỳ xây dựng, trưởng thành và chiến thắng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược

a. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)

*** Quá trình phát triển.**

+ Sau Cách mạng Tháng Tám, Việt Nam giải phóng quân được đổi thành “Vệ quốc đoàn”.

+ Ngày 22 tháng 5 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Quân đội quốc gia Việt Nam

+ Năm 1951, đổi tên là Quân đội nhân dân Việt Nam .

Ngày 7 tháng 4 năm 1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Quyết định thành lập bộ đội địa phương.

*** Quá trình chiến đấu và chiến thắng.**

Quân đội ta vừa chiến đấu, vừa xây dựng, trưởng thành và lập nhiều chiến công hiển hách.

b. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954-1975)

Đế quốc Mỹ thực hiện âm mưu hắt cẳng Pháp, xâm lược miền Nam Việt Nam, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Quân đội ta một lần nữa lại bước vào trận tuyến mới, cùng toàn dân kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

c. Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Quân đội nhân dân Việt Nam tiếp tục chắc tay súng bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN

II. Truyền thông Quân đội nhân dân Việt Nam

1. Trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng.

Quân đội luôn chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc và CNXH

2. Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh, biết thắng

Quân đội luôn quyết tâm đánh giặc giữ nước, quyết không sợ hi sinh gian khổ, xả thân vì sự nghiệp cách mạng và luôn biết sử dụng nghệ thuật quân sự trong chiến tranh.

3. Gắn bó máu thịt với nhân dân.

Quân đội ta từ nhân dân mà ra vì nhân dân mà chiến đấu.

4. Nội bộ đoàn kết thống nhất, kỷ luật tự giác, nghiêm minh

Sức mạnh của quân đội xây dựng bởi nội bộ đoàn kết thống nhất và kỉ luật tự giác, nghiêm minh.

5. Độc lập, tự chủ, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công

Quân đội ta luôn phát huy tinh thần khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ cả trong chiến đấu, lao động sản xuất và công tác.

6. Nêu cao tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, đoàn kết, thủy chung với bè bạn quốc tế.

B. LỊCH SỬ, TRUYỀN THỐNG CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

I. Lịch sử Công an nhân dân Việt Nam

1. Thời kỳ hình thành

- Ngày 19 tháng 8 năm 1945, lực lượng Công an được thành lập.
- Ở Bắc Bộ đã thành lập “Sở Liêm phóng” và “Sở Cảnh sát”. Các tỉnh đều thành lập “Ty Liêm phóng” và “Ty Cảnh sát”.

2. Thời kỳ xây dựng và trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ 1945 - 1975

a. Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

- Ngày 15 tháng 1 năm 1950, Hội nghị Công an toàn quốc xác định Công an nhân dân Việt Nam có 3 tính chất: “dân tộc, dân chủ, khoa học”.
- Trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Ban Công an tiền phương nằm trong Hội đồng cung cấp mặt trận, góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ,

b. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)

Thời kì này, Công an góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường xây dựng lực lượng, cùng cả nước dốc sức giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Thời kỳ đất nước thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay

- Công an đổi mới tổ chức và hoạt động, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

II. Truyền thống Công an nhân dân

1. Trung thành tuyệt đối với sự nghiệp của Đảng
2. Vì nhân dân phục vụ, dựa vào dân làm việc và chiến đấu
3. Độc lập, tự chủ, tự cường và tiếp thu vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm bảo vệ an ninh, trật tự và những thành tựu khoa học – công nghệ phục vụ công tác và chiến đấu
4. Tận tụy trong công việc, cảnh giác, bí mật, mưu trí, sáng tạo, dũng cảm, kiên quyết, khôn khéo trong chiến đấu
5. Quan hệ hợp tác quốc tế trong sáng, thủy chung, nghĩa tình

THƯỜNG THỨC PHÒNG TRÁNH BOM ĐẠN, THIÊN TAI

I/ BOM, ĐẠN VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH:

1. Đặc điểm, tác hại của một số loại bom, đạn:

a, Tên lửa hành trình:

Là loại tên lửa phóng đi từ đất liền, tàu nổi, tàu ngầm, máy bay... được điều khiển theo chương trình tính sẵn đến mục tiêu đã định. Dùng để phá các mục tiêu cố định.

b, Bom có điều khiển:

Là các loại bom thường dùng như trước đây nhưng có gắn thêm bộ phận điều khiển, có độ chính xác cao.

- Bom CBU-24: Bom mẹ chứa 200 bom bi con.
- Bom CBU-55: Chứa oxit etylen, dùng để phát quang cây cối.
- Bom GBU-17: Ngòi nổ chậm, phá các mục tiêu cố định.
- Bom GBU-29/30/31/ 32/15JDAM: tấn công trực tiếp vào mục tiêu kiên cố.
- Bom hóa học: Chứa khí độc.
- Bom cháy: Chứa chất gây cháy.
- Bom mềm: Chứa sợi garaphit phá hủy hệ thống điện.
- Bom điện từ: Tạo ra trường điện từ cường độ lớn, phá các thiết bị điện tử.
- Bom từ trường: Nổ chậm, dùng phá giao thông..

2. Một số biện pháp phòng tránh thông thường.

a. Tổ chức trinh sát, thông báo, báo động:

b. Ngụy trang, giữ bí mật mục tiêu và các khu sơ tán:

c. Làm hầm, hố phòng tránh:

d. Sơ tán, phân tán các nơi tập trung đông dân cư, các khu công nghiệp, tránh tụ tập đông người:

e. Đánh trả:

g. Khắc phục hậu quả:

- + Cứu thương.
- + Cứu hộ.
- + Cứu hỏa.
- + Chôn cất người chết.
- + Khôi phục sản xuất, sinh hoạt bình thường.

* **Lưu ý:** Trên đất nước ta hiện nay vẫn còn sót lại nhiều bom đạn. Vì vậy, khi phát hiện phải giữ nguyên hiện trường, đánh dấu bằng phương tiện đơn giản và báo ngay cho người có trách nhiệm để xử lý.

II/ THIÊN TAI, TÁC HẠI CỦA CHÚNG VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH:

1. Các loại thiên tai chủ yếu ở nước ta:

a, Bão:

- Là loại hình thiên tai chủ yếu ở nước ta, được hình thành từ áp thấp nhiệt đới, có sức gió mạnh hơn 62km/h (cấp 8). Bão thường kèm theo mưa lớn gây ngập lụt, gió giật.

b, Lũ lụt:

- Với khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nhiều sông lớn, mùa mưa thường xảy ra lũ lụt với thời gian dài và phạm vi rộng.

c, Lũ quét, lũ bùn đá:

--Xảy ra ở vùng núi dốc, mưa lớn và đường thoát nước bất lợi hay vỡ hồ chứa nước nhỏ.

d, Ngập úng:

-Do mưa lớn mà không thoát được nước gây ảnh hưởng đến sản xuất và môi trường sinh thái.

e, Hạn hán và sa mạc hóa:

- Hạn hán kéo dài dẫn đến sa mạc hóa ở một số vùng ven biển và núi dốc.

Ngoài ra còn có một số loại thiên tai như xâm nhập mặn, lốc, sạt lở đất, động đất, sóng thần...

2. Tác hại của thiên tai:

- Là tác nhân cản trở phát triển kinh tế-xã hội.

- Tàn phá môi trường, phát sinh dịch bệnh tác động xấu đến sản xuất và đời sống.

- Gây hậu quả xấu đối với quốc phòng và an ninh.

3. Một số biện pháp phòng – chống và giảm nhẹ thiên tai:

a/. Chấp hành nghiêm các văn bản pháp luật về công tác phòng – chống và giảm nhẹ thiên tai.

b/. Tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến phòng – chống lũ lụt và giảm nhẹ thiên tai.

c./ Nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác phòng – chống và giảm nhẹ thiên tai.

d./ Hợp tác quốc tế về cảnh báo, dự báo thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn và khai thác hợp lý các tài nguyên trên biển với các nước có chung đường biên cả đất liền và trên biển.

e/. Công tác cứu hộ, cứu nạn.

g/. Công tác cứu trợ khắc phục hậu quả.

h/. Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng – chống và giảm nhẹ thiên tai, làm cho mọi người thấy rõ nguyên nhân và tác hại của thiên tai. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng trong phòng – chống và giảm nhẹ thiên tai./.

HẾT